



fú tī
扶梯

noun · escalator

Example Sentences

Qǐng zǒu fú tī shàng lóu.
请走扶梯上楼。

Please take the escalator upstairs.

Fú tī zhèng zài wéi xiū qǐng zǒu lóu tī.
扶梯正在维修，请走楼梯。

The escalator is under repair, please take the stairs.

Trace each character, then write the word on your own.

扶	扶	扶	扶	扶	扶	扶	扶	扶	扶
梯	梯	梯	梯	梯	梯	梯	梯	梯	梯
梯	梯	梯							